

PHỤ LỤC

**GIAO BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Tờ trình số 335/TTr-UBND ngày 15/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026						Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó					
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế			
					Tổng	Trong đó		
				Sự nghiệp y tế xã		Biên chế Sở Y tế chuyển về xã		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG CỘNG	27.542	585	24.801	2.156	1.757	399	
1	Phường Cẩm Thành	609	9	571	29	23	6	
2	Phường Nghĩa Lộ	607	10	567	30	26	4	
3	Phường Trương Quang Trọng	428	8	389	31	26	5	
4	Xã Tịnh Khê	409	6	375	28	28	0	
5	Xã An Phú	507	5	467	35	35	0	
6	Xã Bình Sơn	879	10	818	51	47	4	
7	Xã Đông Sơn	494	6	447	41	38	3	
8	Xã Vạn Tường	580	5	535	40	34	6	
9	Xã Bình Minh	229	4	200	25	20	5	
10	Xã Bình Chương	161	5	140	16	12	4	
11	Xã Sơn Tịnh	356	6	323	27	22	5	
12	Xã Trường Giang	229	4	203	22	19	3	
13	Xã Ba Gia	265	5	239	21	18	3	
14	Xã Thọ Phong	247	5	222	20	15	5	
15	Xã Tư Nghĩa	545	9	498	38	30	8	
16	Xã Trà Giang	243	6	214	23	22	1	
17	Xã Nghĩa Giang	323	6	287	30	23	7	
18	Xã Vệ Giang	379	7	344	28	24	4	
19	Xã Mộ Đức	349	8	312	29	24	5	
20	Xã Long Phụng	424	4	387	33	28	5	
21	Xã Mỏ Cày	390	6	357	27	22	5	
22	Xã Lân Phong	310	7	281	22	17	5	
23	Phường Đức Phổ	442	5	397	40	28	12	

TT	Đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026						Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó					
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế			
					Tổng	Trong đó		
						Sự nghiệp y tế xã	Biên chế Sở Y tế chuyển về xã	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
24	Phường Sa Huỳnh	309	4	289	16	14	2	
25	Phường Trà Câu	439	5	401	33	28	5	
26	Xã Khánh Cường	195	4	171	20	13	7	
27	Xã Nguyễn Nghiêm	167	4	145	18	12	6	
28	Xã Nghĩa Hành	308	5	280	23	19	4	
29	Xã Thiện Tín	221	4	194	23	20	3	
30	Xã Đình Cương	271	4	242	25	21	4	
31	Xã Phước Giang	234	4	207	23	20	3	
32	Xã Ba Tơ	262	11	230	21	19	2	
33	Xã Ba Vinh	111	4	92	15	14	1	
34	Xã Ba Vì	177	4	155	18	18	0	
35	Xã Ba Tô	166	4	144	18	16	2	
36	Xã Ba Đình	125	4	108	13	13	0	
37	Xã Đặng Thùy Trâm	106	4	87	15	12	3	
38	Xã Ba Động	145	4	123	18	18	0	
39	Xã Ba Xa	94	4	80	10	6	4	
40	Xã Minh Long	250	12	212	26	19	7	
41	Xã Sơn Mai	184	11	153	20	13	7	
42	Xã Sơn Hà	352	4	328	20	18	2	
43	Xã Sơn Linh	251	4	226	21	19	2	
44	Xã Sơn Hạ	338	4	308	26	23	3	
45	Xã Sơn Kỳ	138	5	118	15	13	2	
46	Xã Sơn Thủy	174	5	149	20	18	2	
47	Xã Sơn Tây Thượng	186	7	159	20	18	2	
48	Xã Sơn Tây Hạ	152	4	129	19	18	1	
49	Xã Sơn Tây	252	6	226	20	18	2	
50	Xã Trà Bồng	375	8	344	23	19	4	
51	Xã Cà Đam	134	7	111	16	14	2	
52	Xã Thanh Bồng	215	8	185	22	20	2	
53	Xã Đông Trà Bồng	153	7	127	19	17	2	
54	Xã Tây Trà	269	7	239	23	21	2	

TT	Đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026						Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó					
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế			
					Tổng	Trong đó		
						Sự nghiệp y tế xã	Biên chế Sở Y tế chuyển về xã	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
55	Xã Tây Trà Bồng	206	7	179	20	17	3	
56	Đặc khu Lý Sơn	344	31	313	0			
57	Phường Kon Tum	658	10	605	43	34	9	
58	Phường Đăk Cấm	331	10	293	28	19	9	
59	Phường Đăk BLa	252	8	221	23	18	5	
60	Xã Ngọc Bay	326	8	294	24	19	5	
61	Xã Ia Chim	286	8	258	20	17	3	
62	Xã Đăk Rơ Wa	383	8	342	33	26	7	
63	Xã Đăk Pék	344	6	321	17	12	5	
64	Xã Xốp	130	4	111	15	12	3	
65	Xã Ngọc Linh	130	4	113	13	12	1	
66	Xã Đăk PLô	149	4	126	19	18	1	
67	Xã Đăk Môn	234	4	212	18	15	3	
68	Xã Đăk Long	145	4	130	11	6	5	
69	Xã Bờ Y	558	10	510	38	19	19	
70	Xã Sa Loong	205	4	172	29	12	17	
71	Xã Dục Nông	293	4	266	23	18	5	
72	Xã Đăk Tô	634	10	593	31	24	7	
73	Xã Ngọc Tụ	214	4	192	18	12	6	
74	Xã Kon Đào	332	4	306	22	17	5	
75	Xã Tu Mơ Rông	203	6	180	17	12	5	
76	Xã Đăk Sao	153	4	134	15	12	3	
77	Xã Đăk Tờ Kan	230	4	207	19	15	4	
78	Xã Măng Ri	260	4	224	32	29	3	
79	Xã Đăk Hà	470	10	434	26	20	6	
80	Xã Đăk Pxi	243	4	224	15	12	3	
81	Xã Đăk Mar	335	8	315	12	12	0	
82	Xã Đăk Ui	201	4	182	15	12	3	
83	Xã Ngọc Réo	249	4	229	16	11	5	
84	Xã Măng Đen	296	10	263	23	17	6	
85	Xã Kon Plông	213	4	186	23	18	5	

TT	Đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026						Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó						
			Sự nghiệp khác	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp y tế				
					Tổng	Trong đó			
						Sự nghiệp y tế xã	Biên chế Sở Y tế chuyển về xã		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	
86	Xã Măng Bút	227	4	201	22	17	5		
87	Xã Kon Braih	391	7	356	28	19	9		
88	Xã Đăk Kôi	157	4	135	18	14	4		
89	Xã Đăk Rve	190	4	166	20	16	4		
90	Xã Sa Thầy	345	8	315	22	19	3		
91	Xã Sa Bình	352	6	327	19	18	1		
92	Xã Ya Ly	219	4	193	22	18	4		
93	Xã Mô Rai	124	4	109	11	6	5		
94	Xã Rờ Koi	119	4	105	10	6	4		
95	Xã Ia Toi	167	4	150	13	10	3		
96	Xã Ia Đal	86	4	74	8	5	3		